Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Hệ thống thông tin quản lý)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	Tổng số tín chỉ			**128**		
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			**44**		
	1.1. Các học phần chung			**20**		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11		
	1.2. Các học phần của Trường			**12**		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
10	4	Tin học đại cương Basic Informatics	TIKT1109	3	I	
	1.3. Các học phần của ngành			**12**		
11	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and bussiness	TKKD1129	3	II	
12	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	
13	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	IV	
14	4	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT1102	3	III	
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**84**		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Hệ thống thông tin quản lý)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành			***15***		
15	1	Kinh tế nguồn nhân lực Human resource economics	NLKT1117	3	V	
16	2	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	IV	
17	3	Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường Economic Management and Market Economy	QLKT1112	3	V	QLKT1101
18	4	Quản trị các nguồn lực thông tin Information Resources Managements	TIKT1137	3	IV	
19	5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Data Structures and Algorithms	TIHT1101	3	III	CNTT1128
	2.2. Kiến thức ngành			**41**		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			**26**		
20	1	Cơ sở lập trình Basic Programming	CNTT1128	3	II	
21	2	Cơ sở dữ liệu Databases	TIKT1130	3	III	
22	3	Phát triển các hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems Development	TIKT1113	3	IV	TIHT1102
23	4	Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định Decision Support Systems	TIHT1110	3	V	TIHT1102
24	5	Quản trị dự án hệ thống thông tin Information Systems Project Management	TIKT1136	3	VI	TIHT1102
25	6	Ứng dụng cơ sở dữ liệu Application of Databases	TIKT1124	3	IV	
26	7	Kỹ nghệ phần mềm Software Engineering	TIHT1104	3	V	
27	8	Tiếng Anh ngành Hệ thống thông tin quản lý English for Management Information Systems	TIHT1106	3	IV	
28	9	Đề án ngành Hệ thống thông tin quản lý Term Project on Management Information Systems	TIHT1118	2	VII	
	2.2.2 Các học phần tự chọn *SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)*			**15**		
29 - 33	1	Kế toán máy Computer-Based Accounting	TIHT1119	3	IV	KTKE1101
	2	Hệ thống thương mại điện tử Electronic Commerce Systems	TIKT1129	3	VI	TIHT1102 TIKT1106

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Hệ thống thông tin quản lý)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	3	Phát triển các ứng dụng Web Web Applications Development	TIKT1134	3	VI	CNTT1128 TIKT1106
	4	Hệ thống thông tin quản lý trong Logistics Logistics Management Information Systems	TIHT1117	3	V	
	5	Hệ điều hành Operating System	CNTT1107	3	IV	
	6	Mạng và truyền thông Networks and Data Communication	TIKT1106	3	V	CNTT1142
	7	Lập trình phân tích dữ liệu Data Analysis Programming	CNTT1203	3	V	CNTT1116
	8	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý Application of Artificial Intelligence in Business and Management	TIHT1123	3	V	
	9	Đấu thầu Procurement	DTKT1133	3	V	
	10	Quản trị tri thức Knowledge Management	TIHT1122	3	V	
	2.3. Kiến thức chuyên sâu *(SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)*			**18**	**VI-VII**	
34-39	1	Phát triển các ứng dụng trong quản lý Application Development for Management	TIHT1113	3		TIHT1102 TIKT1124
	2	Lập trình nâng cao Advanced Programming	TIHT1105	3		CNTT1128
	3	Tin học kế toán Accounting Informatics	TIKT1117	3		TIHT1102 KTKE1101
	4	Tri thức kinh doanh Business Intelligence	TIKT1122	3		TIHT1102
	5	Phát triển phần mềm mã nguồn mở và ứng dụng Development of Open Source Software and Applications	TIKT1135	3		CNTT1128
	6	Ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất Unified Modeling Language	TIKT1133	3		TIHT1102
	7	Marketing trực tuyến Marketing Online	TIKT1132	3		TIKT1106
	8	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Enterprise Resource Planning (ERP)	TIKT1138	3		
	9	Kiến trúc doanh nghiệp Enterprise Architecture	TIHT1121	3		
	10	Trực quan hóa dữ liệu trong kinh doanh Data Visualization in Business	TIKT1139	3		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Hệ thống thông tin quản lý)	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
40	***Khóa luận tốt nghiệp*** *Graduation Thesis*	TIHT1124	**10**	VIII	
	Tổng số tín chỉ		**128**		